

Số: 12/2026/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 12 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách
đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động
ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 158/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 159/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Thực hiện các Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: số 610-TB/TU ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026; số 628-TB/TU ngày 11 tháng 6 năm 2026 về chủ trương ban hành Nghị quyết quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Xét Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức

danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 312/BC-BPC ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;
- b) Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

1. Chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Mức phụ cấp hằng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:

STT	Chức danh	Mức phụ cấp hằng tháng (hệ số lần mức lương cơ sở)	
		Thôn có dưới 700 hộ gia đình; tổ dân phố có dưới 1.000 hộ gia đình	Thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền
1	Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố	2,5	3,0
2	Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố	2,5	3,0
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	1,5	2,0

Điều 3. Quy định chức danh, mức hỗ trợ, số lượng người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và số lượng, mức hỗ trợ đối với Chi ủy viên ở thôn, tổ dân phố

1. Chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức hỗ trợ hàng tháng đối với từng chức danh:

STT	Chức danh	Mức hỗ trợ hàng tháng (hệ số lần mức lương cơ sở)	
		Thôn có dưới 700 hộ gia đình; tổ dân phố có dưới 1.000 hộ gia đình	Thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền
1	Phó Bí thư chi bộ	1,3	1,4
2	Phó Trưởng thôn/Phó Tổ trưởng Tổ dân phố	1,2	1,2
3	Chi hội trưởng Hội Nông dân	0,6	0,7
4	Chi hội trưởng Hội Người cao tuổi	0,6	0,7
5	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh	0,6	0,7
6	Chi hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ	0,6	0,7
7	Bí thư chi đoàn	0,6	0,7
8	Chi hội trưởng Hội Chữ thập đỏ	0,6	0,7
9	Thôn đội trưởng/Khu đội trưởng	Thực hiện theo Nghị quyết số 794/2025/NQ-HĐND quy định mức phụ cấp hàng tháng đối với Thôn đội trưởng, trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	
10	Nhân viên Y tế thôn, tổ dân phố	Thực hiện theo quy định riêng	

2. Số lượng người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố đảm nhiệm các chức danh nêu tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Thôn có dưới 700 hộ gia đình, tổ dân phố có dưới 1.000 hộ gia đình được bố trí tối đa 08 người.

b) Thôn có từ 700 hộ gia đình, tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được bố trí tối đa 09 người.

c) Số lượng Phó Trưởng thôn/Phó Tổ trưởng Tổ dân phố

Thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền: bố trí 02 người.

3. Đối với Chi ủy viên ở thôn, tổ dân phố

a) Mức hỗ trợ: 0,15 lần mức lương cơ sở/Chi ủy viên/tháng.

b) Số lượng Chi ủy viên được bố trí như sau:

Thôn có dưới 700 hộ gia đình, tổ dân phố có dưới 1.000 hộ gia đình được bố trí tối đa 05 Chi ủy viên ở thôn/tổ dân phố.

Thôn có từ 700 hộ gia đình, tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được bố trí tối đa 07 Chi ủy viên ở thôn/tổ dân phố.

Điều 4. Việc bố trí kiêm nhiệm và mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Về nguyên tắc và số lượng chức danh kiêm nhiệm

a) Nguyên tắc bố trí kiêm nhiệm

Bố trí độc lập 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố. Việc bố trí kiêm nhiệm căn cứ vào tình hình thực tế công việc, tính chất đặc thù của từng nhiệm vụ và nguồn nhân sự tại địa phương.

Việc phân công nhiệm vụ và bố trí kiêm nhiệm chức danh phải đảm bảo các lĩnh vực ở địa phương đều có người đảm nhiệm; các chức danh do một người kiêm nhiệm phải có tính tương đồng, phù hợp với năng lực, sở trường công tác.

b) Số lượng chức danh kiêm nhiệm

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm không quá 01 chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (*không bao gồm Chi ủy viên*).

Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

2. Mức hỗ trợ kiêm nhiệm

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng bằng 100% mức hỗ trợ quy định của chức danh kiêm nhiệm.

b) Mức hỗ trợ chức danh kiêm nhiệm không dùng để đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế.

Điều 5. Một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện được hỗ trợ thêm 10% mức đóng Bảo hiểm xã hội hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn ngoài mức hỗ trợ được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 159/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện.

c) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ 100% mức đóng Bảo hiểm y tế theo quy định.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có trình độ đại học trở lên được hưởng hỗ trợ thêm 0,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực:

a) Nghị quyết số 439/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

c) Nghị quyết số 489/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định một số chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, thành viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự dôi dư, nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 và sáp nhập thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu làm căn cứ và áp dụng trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVIII Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Nội vụ (Vụ pháp chế); Tài chính (Vụ pháp chế); Y tế (Vụ pháp chế); Tư pháp (Cục kiểm tra và tổ chức thi hành pháp luật);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, MTTQ Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^{PT}.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn